TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 27 - 12 - 2021
V/v chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT – HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 170/2021/HNGĐ-ST ngày 30, 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 34/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Hồng Th, sinh năm 1976 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.
Tạm trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1970 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

2. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Lê Thị A, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 52/3A, khu 10, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của:

1. Bà Lê Hồng Th – Là nguyên đơn.

2. Ông Đặng Văn T – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Hồng Th trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Th và ông T kết hôn với nhau năm 1994 cho đến năm 2018 thì ly hôn. Theo bản án số 29/2018/HN-ST, ngày 09/4/2018 của Toà án nhân dân huyện Z giải quyết cho bà Th và ông T ly hôn, về con chung thì giao cho bà Th tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, những vấn đề liên quan khác như tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận; Nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay bà Th yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn như sau:

- Thửa 214, diện tích 2.546,9m^2, theo chương trình Vlap do bà Th và ông T cùng kê khai đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng sau khi ly hôn vào tháng 4/2018 thì ông T kê khai lại thông tin chủ sử dụng nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông T; hiện nay ông T đã chuyển nhượng thửa 214 cho bà Lê Thị A. Việc chuyển nhượng này bà Th không biết vì đi làm ăn xa, khi ông T chuyển nhượng không thông báo cho bà Th biết. Nay bà Th yêu cầu ông T chia cho bà Th phần đất diện tích 1.273,4m^2 tại thửa 214, bà Th yêu cầu nhận hiện vật là đất.

- Thửa đất số 158, diện tích 3.927,5m^2 do ông T và bà Th cùng đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2016, hai thửa đất toạ lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long; hiện nay ông T đã cho ông Đặng Văn C thuê thửa 158 từ năm 2017 đến nay để trồng rau, khi ông T cho thuê không thông báo cho bà Th. Nay bà

Th yêu cầu ông T chia cho bà Th phần đất diện tích 1.963,75m^2 tại thửa 158, bà Th yêu cầu nhận hiện vật là đất.

Ngoài ra, vợ chồng còn có căn nhà tường cấp 4 tại thửa 152, tờ bản đồ số 42, diện tích 116,4m^2, toạ lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, giá trị căn nhà là 150.000.000 đồng, phần đất là tài sản riêng của ông T. Bà Th yêu cầu nhận ½ giá trị căn nhà là 75.000.000 đồng, giao căn nhà lại cho ông T sử dụng.

Ngoài ra, bà Th, ông T có một số tài sản khác gồm có 100.000.000đồng tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vệt Nam - Chi nhánh Z - Phòng giao dịch Y; 13,5 chỉ vàng 24K, bà Th quản lý 8,5 chỉ vàng 24K nhưng đã bán hết để lo cho hai con ăn học, ông T đang quản lý 05 chỉ vàng 24K; một chiếc xe gắn máy hiệu Honda RSX, biển số 64E1- 05299. Trong quá trình giải quyết bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vệt Nam - Chi nhánh Z - Phòng giao dịch Y, rút lại yêu cầu chia giá trị đối với xe gắn máy hiệu Honda RSX, biển số 64E1- 05299; rút lại yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24K do ông T đang quản lý; rút lại yêu cầu chia tiền thuê đất là 9.000.000 đồng mà ông T đang quản lý sử dụng. Không đồng ý giao lại cho anh T 1,75 chỉ vàng 24K vì đã bán hết sử dụng nuôi hai con và đóng học phí cho hai con. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đặng Văn T có ý kiến và yêu cầu như sau: Thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian kết hôn, về con chung, về quyết định cho ly hôn và giải quyết về con chung, tài sản chung theo Bản án số 29/2018/HN-ST, ngày 09/4/2018 của Toà án nhân dân huyện Z.

Nay bà Th yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì ông T có ý kiến như sau:

Về quyền sử dụng đất: Phần đất thửa 214, diện tích 2.546,9m^2 ông T đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2018 sau khi ly hôn với bà Th và thửa đất số 158, diện tích 3.927,5m^2 do ông T và bà Th cùng đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2016, hai thửa đất toạ lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Hai thửa đất này là tài sản của cha ruột tặng cho riêng ông T nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Th.

Hiện nay ông T đã chuyển nhượng phần đất thửa 214, diện tích 2.546,9m^2 toạ lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long cho bà Lê Thị A, ông T đã nhận đủ tiền và giao đất cho bà A nhưng do phát sinh tranh chấp với bà Th nên bà A

chưa sử dụng được. Ông T và bà Lê Thị A đã thỏa thuận thống nhất với nhau là sau khi giải quyết tranh chấp chia tài sản chung với bà Th xong thì hai bên mới xử lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau, hiện tại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thửa đất số 158, diện tích 3.927,5m^2, toạ lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, ông T cho ông Đặng Văn C thuê trồng hoa màu từ tháng 10 năm 2019 với giá 6.000.000 đồng/năm, thời hạn cho thuê là 03 năm, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm hợp đồng. Ông T và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về căn nhà tường cấp 4 trên phần đất thửa số 152, tờ bản đồ số 42, diện tích 116,4m^2, toạ lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, ông T thống nhất căn nhà tường cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng, thống nhất giá trị căn nhà là 150.000.000 đồng, ông T tự nguyện chia lại cho bà Th 75.000.000 đồng giá trị căn nhà; thửa 152 là tài sản riêng của ông T nên không đồng ý chia.

- Về tài sản chung là vàng 24K: Vợ chồng có 13,5 chỉ vàng 24K, ông T yêu cầu chia đôi số vàng mỗi người được hưởng 6,75 chỉ vàng 24K. Bà Th đang quản ý 8,5 chỉ vàng 24K, ông T đang quản lý 05 chỉ vàng 24K. Hai người đã sử dụng hết 10 chỉ vàng 24K, còn lại 3,5 chỉ vàng 24K bà Th đang quản lý nên yêu cầu bà Th giao lại ông T 1,75 chỉ vàng 24K.

Nay ông T không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của bà Th đối với thửa 214 và thửa 158 trên. Vì đây là tài sản riêng của ông T. Tự nguyện chia lại cho bà Th ½ giá trị căn nhà cấp 4 tại thửa 152 là 75.000.000 đồng. Yêu cầu bà Th giao lại 1,75 chỉ vàng 24K là 8.750.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Lê Thị A trình bày:

Bà có nhận chuyển nhượng thửa đất của ông T phần đất thửa 214, diện tích 2.546,9m^2 tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long với giá 310.000.000 đồng, hai bên làm giấy tay chuyển nhượng không có làm hợp đồng. Hiện nay, bà A đã giao đủ tiền cho ông T, đã nhận đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do phát sinh tranh chấp với bà Th nên bà A chưa sử dụng được. Nay bà A và ông T tự thỏa thuận, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án Đặng Văn C trình bày: ông C có thuê phần đất thửa 158 diện tích

3.927,5m^2 toạ lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long của ông T với giá 6.000.000 đồng/năm, thời hạn cho thuê là 03 năm, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm hợp đồng, ông C thuê để trồng hoa màu từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Sau khi Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì ông C sẽ thỏa thuận tiếp với người đó, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 170/2020/HNGĐ-ST ngày 30, 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 165, Điều 166, điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hồng Th.

1.1 Đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất:

1.1.1 Buộc anh T giao cho bà Th phần diện tích 1.309,4m^2 tại thửa 158 trên tại các mốc giới số 4,5,6,7,4; Giao cho ông T được hưởng phần đất 2.618,1m^2 còn lại tại thửa 158, tọa lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc giới số 1,2,3,7,6,1. (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.1.2 Buộc ông T giao lại cho bà Th giá trị tương ứng đối với phần đất bà Th được hưởng trên diện tích 848,96m^2 bằng số tiền là 103.332.000 đồng. Giao cho ông T trọn thửa 214, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.546,9m^2, tọa lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

1.1.3 Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Th và ông T. Giao cho ông T được hưởng căn nhà tường cấp 4 trên phần đất thửa số 152 tờ bản đồ số 42, diện tích 116,4m^2, toạ lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Ông T có nghĩa vụ giao cho bà Th số tiền 75.000.000 đồng.

1.2 Đối với tài sản chung là vàng 24k: (Ông T thống nhất giá vàng thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng).

Buộc bà Th phải giao cho ông T giá trị của 1,75 chỉ vàng 24K tương ứng bằng số tiền 8.750.000 đồng. Bà Th được hưởng 1,75 chỉ vàng 24K.

1.3 Đình chỉ phần yêu cầu của bà Th đối với yêu cầu chia các tài sản sau: phần yêu cầu đối với số tiền 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Z - Phòng giao dịch Y; yêu cầu chia giá trị đối với xe gắn máy hiệu Honda RSX, biển số 64E1- 05299, trị giá là 22.500.000 đồng; yêu cầu chia giá trị 2,5 chỉ vàng 24K vàng đối với 05 chỉ vàng 24K ông T đang quản lý, rút lại yêu cầu chia tiền thuê đất là 9.000.000 đồng.

1.4 Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị A đối với việc yêu cầu ông T thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay ngày 08/10/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định và định giá tài sản; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04/01/2021 bị đơn Đặng Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý chia cho bà Th thửa đất số 214, diện tích 2.546,9m^2 và thửa 158 diện tích 3.927,5m^2 cùng tọa lạc ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long như án sơ thẩm đã tuyên vì đây là tài sản cha ông tặng cho riêng ông T.

- Ngày 14/01/2021 nguyên đơn Lê Hồng Th kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên xử chia đôi thửa đất số 214, diện tích 2.546,9m^2 và thửa 158 diện tích 3.927,5m^2 cùng tọa lạc ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Yêu cầu nhận hiện vật là đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lê Hồng Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chia đôi thửa đất số 214, diện tích 2.546,9m^2 và thửa 158 diện tích 3.927,5m^2 cùng tọa lạc ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Yêu cầu nhận hiện vật là đất.

Bị đơn Đặng Văn T đồng ý chia cho bà Th được hưởng ¼ thửa đất 214 và ¼ thửa 158, không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà Th.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Lê Hồng Th, bị đơn Đặng Văn T; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 29 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Th; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông T. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia cho ông T thửa đất 214 diện tích 2.546,9m^2 có giá trị 309.998.000 đồng; Chia bà Th toàn bộ thửa 158 có diện tích 3.927,5m^2 có giá trị 157.100.000 đồng. Buộc bà Th thanh toán lại cho ông T phần tiền chênh lệch là 1.400.508 đồng. Về án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th, ông T không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04/01/2021 bị đơn Đặng Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 14/01/2021 nguyên đơn Lê Hồng Th kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông T, bà Th được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Lê Hồng Th yêu cầu chia đôi thửa đất số 214, diện tích 2.546,9m^2 và thửa 158 diện tích 3.927,5m^2 cùng tọa lạc ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Yêu cầu nhận hiện vật là đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Đặng Văn T đồng ý chia cho bà Th được hưởng ¼ thửa đất số 214 và ¼ thửa 158, không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Th ông T kết hôn năm 1994, đến năm 2018 vợ chồng ly hôn và không giải quyết về tài sản chung. Theo bà Th trình bày nguồn gốc thửa 214 và thửa 158 là do nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn Hiếu (cha của ông T) vào năm 2011 với giá 60 chỉ vàng 24K, việc nhận chuyển nhượng chỉ làm hợp đồng tặng cho để giảm thuế. Trong khi đó ông T trình bày nguồn gốc thửa 214 và thửa 158 là do cha ông là ông Đặng Văn Hiếu tặng cho riêng ông T nên đây là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa 214 và thửa 158 là của ông Hiếu tặng cho ông T bà Th trong thời kỳ hôn nhân; bà Th không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản nhận chuyển nhượng của ông Hiếu; ông T cũng không có chứng cứ chứng minh

ông Hiếu tặng cho riêng ông T, sau khi được ông Hiếu tặng cho thì ông T và bà Th cùng đứng tên kê khai quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa 214 và thửa 158 là tài sản chung của bà Th, ông T là có căn cứ.

[3] Xét thửa 214 và thửa 158 có nguồn gốc là của ông Đặng Văn Hiếu (cha của ông T) tặng cho; xét công sức đóng góp hình thành tài sản chung của vợ chồng là ông T nhiều hơn, do đó ông T được hưởng 2/3 khối tài sản chung, bà Th hưởng 1/3 khối tài sản chung cụ thể như sau:

- Thửa 214, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.546,9m^2, bà Th được hưởng 1/3 với diện tích bằng đất 848,96m^2. Phần đất hiện nay ông T đứng tên và quản lý sử dụng nên giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng thửa 214, buộc ông T giao lại cho bà Th giá trị tương ứng với phần đất 848,96m^2 với số tiền là 103.332000 đồng.

- Thửa 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 3.927,5m^2, bà Th được hưởng 1/3 với diện tích là 1.309,4m^2. Do bà Th có nhu cầu sử dụng đất nên buộc ông T giao cho bà Th phần đất diện tích 1.309,4m^2 tại thửa 158; Ông T được hưởng phần đất 2.618,1m^2 còn lại của thửa 158.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông T; Giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Th, ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Th và ông T về việc giao cho ông T được hưởng căn nhà tường cấp 4 trên phần đất thửa số 152 tờ bản đồ số 42, diện tích 116,4m^2, toạ lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Ông T có nghĩa vụ giao cho bà Th ½ giá trị căn nhà là 75.000.000 đồng; về việc buộc bà Th phải giao cho ông T giá trị của 1,75 chỉ vàng 24K tương ứng bằng số tiền 8.750.000 đồng, bà Th được hưởng 1,75 chỉ vàng 24K; về việc đình chỉ phần yêu cầu của bà Th đối với yêu cầu chia số tiền 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Z - Phòng giao dịch Y; về yêu cầu chia giá trị đối với xe gắn máy hiệu Honda RSX, biển số 64E1- 05299; về yêu cầu chia giá trị 2,5 chỉ vàng 24K đối với 05 chỉ vàng 24K ông T đang quản lý; về việc rút lại yêu cầu chia tiền thuê đất là 9.000.000 đồng; về việc đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị A; về chi phí thẩm định và định giá tài sản; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí sơ

thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Hồng Th, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đặng Văn T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 170/2020/HNGĐ-ST ngày 30, 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng Th.

1. Buộc ông Đặng Văn T giao cho bà Lê Hồng Th phần diện tích 1.309,4m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tại thửa 158, tờ bản đồ số 23, tọa lạc ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (gồm các mốc số 4,5,6,7,4).

Giao cho ông Đặng Văn T được quyền quản lý và sử dụng phần diện tích 2.618,1m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tại thửa 158, tờ bản đồ số 23, tọa lạc ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (gồm các mốc số 1,2,3,7,6,1).

(Kèm theo các trích đo bản đồ địa chính khu đất của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Z cùng ngày 09/4/2020).

2. Giao cho ông Đặng Văn T được quyền sử lý, sử dụng thửa 214, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.546,9m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long (gồm các mốc số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 1).

(Kèm theo các trích đo bản đồ địa chính khu đất của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Z cùng ngày 09/4/2020).

Buộc ông Đặng Văn T có trách nhiệm giao lại cho bà Lê Hồng Th số tiền là 103.332.000đồng (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Các đương sự được quyền đi đăng ký, kê khai biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Lê Hồng Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án hôn nhân và gia đình phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010817 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Bà Lê Hồng Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Ông Đặng Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án hôn nhân và gia đình phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010778 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đặng Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Th và ông T về việc giao cho ông T được hưởng căn nhà tường cấp 4 trên phần đất thửa số 152 tờ bản đồ số 42, diện tích 116,4m^2, toạ lạc tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Ông T có nghĩa vụ giao cho bà Th ½ giá trị căn nhà là 75.000.000 đồng; về việc buộc bà Th phải giao cho ông T giá trị của 1,75 chỉ vàng 24K tương ứng bằng số tiền 8.750.000 đồng, bà Th được hưởng 1,75 chỉ vàng 24K; về việc đình chỉ phần yêu cầu của bà Th đối với yêu cầu chia số tiền 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Z - Phòng giao dịch Y; về yêu cầu chia giá trị đối với xe gắn máy hiệu Honda RSX, biển số 64E1- 05299; về yêu cầu chia giá trị 2,5 chỉ vàng 24K đối với 05 chỉ vàng 24K ông T đang quản lý; về việc rút lại yêu cầu chia tiền thuê đất là 9.000.000 đồng; về việc đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị A; về chi phí thẩm định và định giá tài sản; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.TB: 01;
- Chi cục H. TB; 01;
- Đ/s: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư